

**Phụ lục số 25: Thông báo về giá trị tài sản ròng quỹ đầu tư bất động sản**  
**Appendix No.25: Net Asset Value Report for Real Estate Investment Trust Fund**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 228/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ bất động sản)

*(Issued with Circular No. 228/2012/TT-BTC of December 27th, 2012 from the Ministry of Finance's guidance on the establishment and management of Real Estate Investment Trust fund)*

**Giá trị tài sản ròng quỹ đầu tư bất động sản**  
**Net Asset Value of Real Estate Investment Trust Fund**  
 (tuần từ ngày 05/08/2020 đến 11/08/2020)  
 (Reporting period: from 05/08/2020 to 11/08/2020)

<b>1. Tên công ty quản lý quỹ:</b> <i>Fund Management Company:</i>	<b>Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương</b> <i>Techcom Capital Joint Stock Company</i>
<b>2. Tên ngân hàng giám sát:</b> <i>Custodian and Supervisory Bank:</i>	<b>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Hà Thành</b> <i>Bank for Investment and Development of Vietnam JSC, Hathanh Branch</i>
<b>3. Tên quỹ:</b> <i>Name of the fund:</i>	<b>Quỹ đầu tư bất động sản Techcom Việt Nam</b> <i>Techcom Vietnam REIT</i>
<b>4. Ngày lập báo cáo:</b> <i>Reporting date:</i>	<b>12/8/2020</b> <i>August 12, 2020</i>

*Đơn vị tính/Unit: VND/%*

STT No.	CHỈ TIÊU DESCRIPTION	KỲ BÁO CÁO REPORTING PERIOD 11/8/2020	KỲ TRƯỚC PREVIOUS PERIOD 4/8/2020
<b>A</b>	<b>Giá trị tài sản ròng</b> <i>Net asset value (NAV)</i>		
<b>A.1</b>	<b>Giá trị tài sản ròng đầu kỳ</b> <i>Net asset value (NAV) at the beginning of period</i>		
	<i>của quỹ/the fund</i>	53,292,250,861	52,730,066,708
	<i>của một chứng chỉ quỹ/ per Certificate</i>	10,658.45	10,546.01
<b>A.2</b>	<b>Giá trị tài sản ròng cuối kỳ</b> <i>Net asset value (NAV) at the ending of period</i>		
	<i>của quỹ /the fund</i>	53,854,310,821	53,292,250,861
	<i>của một chứng chỉ quỹ/ per Certificate</i>	10,770.86	10,658.45
<b>A.3</b>	<b>Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ trong kỳ, trong đó</b> <i>Change in NAV per certificate during the period, in which</i>		
	<i>Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ/</i> <i>Change due to the fund's investment activities</i>	112.41	112.44
	<i>Thay đổi do việc phân phối thu nhập của quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ/</i> <i>Change due to the fund's income distribution for investors</i>	112.41	112.44
<b>A.4</b>	<b>Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất</b> <i>Highest/Lowest NAV within the nearest 52 weeks</i>		
	<i>Giá trị cao nhất (VND)/ Highest value (VND)</i>	64,200,046,916	64,200,046,916
	<i>Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest value (VND)</i>	45,496,665,384	45,496,665,384
<b>B</b>	<b>Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ quỹ</b> <i>Market value per certificate (closing price of the reporting day)</i>		
<b>B.1</b>	<b>Giá trị đầu kỳ</b> <i>Beginning value</i>	6,600	5,630
<b>B.2</b>	<b>Giá trị cuối kỳ</b> <i>Ending value</i>	6,100	6,600
<b>B.3</b>	<b>Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước</b> <i>Change in market value, compared with the previous period</i>	-7.58%	17.23%
<b>B.4</b>	<b>Chênh lệch giữa giá thị trường của một chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ/Difference between the unit's market price and its NAV</b>		
	<i>Chênh lệch tuyệt đối (VND)/Absolute difference (VND)*</i>	-4,670.86	-4,058.45
	<i>Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+))/</i> <i>Relative difference (level of discount (-)/surplus (+)**</i>	-43.37%	-38.08%
<b>B5</b>	<b>Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất</b> <i>Highest/ Lowest market value within the nearest 52 weeks</i>		
	<i>Giá trị cao nhất (VND)/Highest value (VND)</i>	9,090	9,090
	<i>Giá trị thấp nhất (VND)/Lowest value (VND)</i>	5,600	5,600

Lưu ý: \* Được xác định bằng chênh lệch (Giá thị trường – NAV cùng thời điểm)/Defined by the differences (market price - NAV at the same period);  
 Notes: \*\* Được xác định bằng tỷ số (Giá thị trường – NAV)/NAV/Defined by the ratio (market value - NAV)/NAV

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát  
 Authorized Representative of Supervisory bank



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
*Ngô Thị Thu Cúc*

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý quỹ  
 Authorized Representative of Fund management



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Đặng Lưu Dũng*